TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 689/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đúng;

Bà Phan Thị Dòn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 890/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 395/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 365/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H(vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A18/61, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A18/61, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/9/2023 và lời khai của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc H thì:

Bà và ông Nguyễn Văn D kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2014

ngày 06/5/2014. Sau khi kết hôn, Bà và ông D chung sống tại địa chỉ: Số 13, đường Quách Hữu Nghiêm, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2018 thì chuyển về chung sống tại địa chỉ: Số A18/61, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm không hòa hợp; ông D không tin tưởng, không tôn trọng ý kiến của Bà, không đóng góp cho kinh tế gia đình mà còn gây nợ khiến gia đình phải trả nợ thay, ảnh hưởng đến cuộc sống, tâm lý của gia đình. Bà đã cố gắng khuyên nhủ ông D thay đổi công việc, tính tình nhưng không có kết quả nên Bà và ông D đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Do hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về việc nuôi con: Bà và ông Nguyễn Văn D có 01 (một) con chung tên Nguyễn Xuân P, sinh ngày: 22/10/2013, giới tính: Nam. Hiện con chung Nguyễn Xuân P đang sống với Bà và ông D tại nhà của cha mẹ của Bà, địa chỉ A18/61, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, đang học lớp 5 tại Trường tiểu học H. Con chung Nguyễn Xuân P do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cùng với sự hỗ trợ của ông, bà ngoại và đang học khá, ngoan, phát triển tốt. Ông D không đóng góp kinh tế để nuôi con cũng không tham gia vào việc nuôi dạy con. Bà đang làm kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Gia Cát với mức lương mỗi tháng là 9.000.000đ (chín triệu đồng), giờ giấc làm việc ổn định từ 08 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút và có chỗ ở ổn định nên Bà đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Xuân P, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn Dđã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Con chung Nguyễn Xuân P, sinh ngày: 22/10/2013 có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn.

Theo kết quả xác minh ngày 19/3/2024 của Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 3112/TAHBC ngày 02/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú thì ông Nguyễn Văn Dđang cư ngụ thực tế tại địa chỉ: Số A18/61, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Công văn số 1221/UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn D thì: “Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B không nhận được thông tin phản ánh liên quan đến tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc Hvà ông Nguyễn Văn Do, nên Ủy ban nhân dân xã V

không rõ mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn D. Về các nội dung khác Ủy ban nhân dân xã V không rõ".

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195; Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn D, yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên tranh chấp giữa bà H và ông D là "tranh chấp ly hôn". Theo kết quả xác minh ngày 19/3/2024 của Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 3112/TAHBC ngày 02/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú thì ông D đang cư ngụ thực tế tại địa chỉ: Số A18/61, ấp A, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Ngọc Hvắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn Dđã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ Khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông Do.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/5/2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Hvà ông Nguyễn Văn Dlà hợp pháp. Theo trình bày của bà H thì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không thể giải quyết dẫn đến vợ, chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ ông D để ông D trình bày ý kiến, nguyện

vọng đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huyền, giải quyết mâu thuẫn và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông D vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối đối với các tình tiết do bà H đưa ra, không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định bà H và ông D đã sống ly thân; không thương yêu, quý trọng nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà Ngọc có cở sở để chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con:

[3.1] Theo Bản sao Trích lục khai sinh số 235/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/3/2019 và trình bày của bà H thì bà H và ông D 01 (một) con chung là Nguyễn Xuân P, sinh ngày: 22/10/2013, giới tính: Nam. Căn cứ Giấy khen vào sổ KT số 0613/KT-HT ngày 24/5/2023 của Trường tiểu học Hiệp Tân, Giấy công nhận số 0607GCN/ĐTN ngày 08/5/2023 của Đoàn phường Hiệp Tâp, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và trình bày của bà H thì con chung Nguyễn Xuân P đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đang phát triển tốt. Căn cứ Hợp đồng lao động số 202301/HDLD/HC-NS ngày 01/7/2023; Đơn xin xác nhận lương ngày 30/11/2023 của bà H có xác nhận của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Gia Cát và trình bày của bà H thì bà H có công việc và thu nhập ổn định, đủ đảm bảo các nhu cầu của con chung nên bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Xuân P. Ông D không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu về việc nuôi con của bà Huyền. Con chung Nguyễn Xuân P có nguyện vọng được sống với mẹ. Như vậy, có cơ sở xác định việc giao con chung Nguyễn Xuân P cho bà H trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, hạn chế việc xáo trộn môi trường sống, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.2] Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con đối với con chung Nguyễn Xuân P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được ghi nhận.

[3.3] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Huyền, giao bà H trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Xuân P, ghi nhận bà H tự nguyện không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà H trình bày Bà và ông D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác: Bà H trình bày Bà và ông D không có nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 4; Điều 6; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hđược ly hôn ông Nguyễn Văn Do.

2. Về việc nuôi con:

Giao bà Nguyễn Thị Ngọc Htrực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Xuân P, sinh ngày: 22/10/2013, giới tính: Nam.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Ngọc Htự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn Dcấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn Dcó quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Xuân P, không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án

giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hphải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020618 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hđã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Thanh Thùy